















Mẫu nhà số 05

(Nhà truyền thống dân tộc thiểu số)

BẢNG THÔNG KÊ CỐT THÉP SÀN							
TÊN SỐ CỤCH HIỆU	Hình dạng - kích thước	BƯỚC KÍCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG CỤCH	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)	
1	50  50	8	6300	22	22	138.6	54.89
2	50  50	8	6700	34	34	227.8	89.89
3	50  50	8	5100	22	22	112.2	44.27
4	50  50	8	4200	8	8	33.8	13.28
5	60  60	8	970	78	78	73.72	29.09
6	60  60	8	770	36	36	27.72	10.94
7	60  60	8	1970	12	12	23.64	9.33
8	60  60	8	1420	44	44	62.48	24.65
9	60  60	8	1820	34	34	61.88	24.42
10	50  50	6	6700	12	12	80.4	17.85
11	50  50	6	3400	6	6	20.4	4.53
12	50  50	6	6300	8	8	50.4	11.19
13	50  50	6	5100	8	8	40.8	9.08
5'	60  60	8	1770	8	8	14.16	5.99

- Trọng lượng thép có đường kính Ø6 = 42.63 kg; Chiều dài = 182 mét

- Trọng lượng thép có đường kính Ø8 = 308.13 kg; Chiều dài = 775.8 mét